

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiền Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Cẩm Tú

Bà Trần Thị Đồi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An:** Bà Nguyễn Thị Lê H – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1983; (có mặt)

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, Huyện N, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T có tình cảm yêu nhau. Sau đó, bà và ông T tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện N, tỉnh Long An vào ngày 04/6/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Nhưng trong những năm tiếp sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chính là do ông T có nhiều lần say rượu đánh đập bà. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn cao trào, trong năm 2018, ông T lại có hành vi đánh đập bà gây ra thương tích ở đầu.

Hiện tại, bà đang thuê nhà trọ để sống và đi phụ quán ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Thành H, sinh ngày 06/9/2005 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 25/10/2010. Hiện tại con chung đang sống với ông T. Do hiện tại công ăn việc làm không ổn định và đang ở trọ không đủ điều kiện để nuôi con chung, nên khi ly hôn, bà đồng ý để ông T được trực nuôi dưỡng con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ông thừa nhận có những lúc ông say rượu thì vợ chồng có cãi vã với nhau, cũng có lúc ông không thể kiềm chế được có đánh bà H vài bạt tay. Do nhiều lúc ông quá thương vợ, mỗi lần ông gọi điện thoại bà H không bắt máy nên đâm ra ghen tuông xảy đến tranh cãi, mâu thuẫn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà H vì ông vẫn còn rất thương vợ, thương con. Ông mong bà H cho cơ hội hàn gắn và hứa sẽ sửa đổi tính tình của mình để bà H quay về sống với ông và các con.

Về con chung: Ông xác định có 02 đứa con chung như là bà H trình bày. Hiện tại, 02 con chung đang sống chung với ông. Nếu trường hợp Tòa án quyết định cho ông và bà H ly hôn thì ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà H không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và tiến hành hòa giải vụ án, nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đức Hòa pháp biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng mà bà H đưa là do ông T có hành vi đánh đập và ông T cũng thừa nhận. Chính vì nguyên nhân này, bà H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về nuôi con chung: 02 con chung có ý kiến sống chung với mẹ, nhưng hiện tại bà H không có chỗ ở ổn định phải ở nhà trọ và thu nhập không ổn định. Bà H cũng có ý kiến đề 02 con chung cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cũng đồng ý nuôi 02 con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, để cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận chia tài sản và xác định không có nợ ai, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T đang cư trú tại xã P, Hện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Hện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 đăng ký ngày 04/6/2014 do Ủy ban nhân dân xã P, Hện N, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, mâu thuẫn chính trong quan hệ hôn nhân được các đương sự thừa nhận là ông T có hành vi nhiều lần đánh đập bà H do ông T say rượu. Do ông T có hành vi bạo lực gia đình là đánh đập bà H, nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho bà H và ông T, nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và lỗi là do ông T gây ra. Xét thấy, việc bà H kiên quyết ly hôn với ông T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82. Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên Nguyễn

Thành H, sinh ngày 06/9/2005 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 25/10/2010 đều từ đủ 07 tuổi trở lên và có văn bản trình bày có nguyện vọng sống chung với bà H. Hiện tại, bà H không có chỗ ở ổn định phải ở trọ, thu nhập cũng không ổn định; Ngược lại, ông T đang nuôi dưỡng 02 con chung và có nhà ở ổn định. Đồng thời bà H có ý kiến là để cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và ông T cũng đồng ý. Do đó, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu H và cháu H1 cho ông T được quyền trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Bà H và ông T đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông T đều xác định không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành H, sinh ngày 06/9/2005, giới tính: Nam và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 25/10/2010, giới tính: Nữ. Bà Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005182 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Hện Đức Hòa;
- Chi cục THADS Hện Đức Hòa;
- UBND xã P, Huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đinh Tiên Phương**